# VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

## CHỦ TỊCH NƯỚC

| | |
|---|---|
| **CHỦ TỊCH NƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 835/QĐ-CTN | *Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam**

**CHỦ TỊCH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;*

*Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 229/TTr-CP ngày 21/6/2022;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 167 công dân hiện đang cư trú tại Hàn Quốc (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Nguyễn Xuân Phúc**

**DANH SÁCH**
**CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI HÀN QUỐC**
**ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**
*(Kèm theo Quyết định số 835/QĐ-CTN ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch nước)*

1. **Lê Kim Vy**, sinh ngày 02/5/2013 tại Cần Thơ — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, GKS số 294 ngày 17/10/2014
Hiện trú tại: 108-dong 1301-ho, 36, Gyejeong-gil, Gimje-si, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: C4737605 cấp ngày 10/3/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

2. **Hoàng Ngọc Bảo Long**, sinh ngày 02/3/2019 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 459 ngày 14/3/2019
Hiện trú tại: 112 dong101ho, Jungwang-dong 1785-1, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2047100 cấp ngày 14/3/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

3. **Trương Gia Huy**, sinh ngày 26/4/2009 tại Thanh Hóa — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, GKS số 149 ngày 10/8/2011
Hiện trú tại: 115, Seoneun-ri, Buan-eup, Buan-gun, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: C3310888 cấp ngày 08/8/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Vĩnh Long, xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

4. **Hoàng Thị Huyền**, sinh ngày 06/7/1990 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 115 ngày 02/10/1990

Hiện trú tại: Dalseong-gun, Daegu-si
Hộ chiếu số: B6214603 cấp ngày 09/3/2012 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

5. **Đầu Thị Thanh Trúc**, sinh ngày 15/6/2002 tại Khánh Hòa — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, GKS số 70 ngày 16/5/2005
Hiện trú tại: 35/6, Baekjang-ro, Baekun-myeon, Jinan-gun, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: C3117859 cấp ngày 17/8/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Xuân Tây, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa

6. **Hồ Sỹ Hùng**, sinh ngày 25/5/2021 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1621 ngày 01/7/2021
Hiện trú tại: 59 Meodu-ro, Boryeong-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2390979 cấp ngày 06/7/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

7. **Lê Thị Tú Vy**, sinh ngày 18/9/2018 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, GKS số 140 ngày 25/9/2019
Hiện trú tại: 23, 59Gagil, Gongneung-ro, Nowon-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C9215874 cấp ngày 16/7/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Chung cư Sunrise Riverside đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

8. **Nguyễn Quỳnh Anh**, sinh ngày 06/9/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2851 ngày 16/11/2020
Hiện trú tại: 301ho, 568 Hanam-dong, Gwangsan-gu, Gwangju-si
Hộ chiếu số: N2282527 cấp ngày 20/11/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

9. **Nguyễn Thị Mỹ**, sinh ngày 04/5/2007 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 100 ngày 11/5/2007
Hiện trú tại: 5, Sehwaro161beon-gil, Gwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2279565 cấp ngày 13/10/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn 9, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

10. **Nguyễn Hà Quang**, sinh ngày 19/7/2005 tại Hà Nam Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, GKS số 52 ngày 15/8/2005
Hiện trú tại: 3929 Sangmo-ri, Daejeong-eup, Seoipwo-si, Jeju-do
Hộ chiếu số: C5363554 cấp ngày 06/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 81 phố Phạm Ngọc Nhị, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

11. **Nguyễn Quốc Đại**, sinh ngày 24/01/2018 tại Bắc Giang Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, GKS số 62 ngày 01/02/2018
Hiện trú tại: 5 29beongil Kheunsolgongwon-ro Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5361213 cấp ngày 06/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Phấn Sơn, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

12. **Nguyễn Thị Thu Thảo**, sinh ngày 17/3/2003 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 106 ngày 04/4/2003
Hiện trú tại: 53 Guji-gil, Gigye-myeon, Buk-gu, Pohang-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: C4445478 cấp ngày 05/01/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 100/65/10 ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

13. **Ôn Lê Gia Hưng**, sinh ngày 19/9/2004 tại Trà Vinh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường 5, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, GKS số 66 ngày 15/6/2006
Hiện trú tại: 160 beonji, Myeong-dong,Jecheon-si, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: C4292866 cấp ngày 05/12/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường 5, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

14. **Jung Đình Quang**, sinh ngày 14/5/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 545 ngày 11/3/2021
Hiện trú tại: 102 Dongan-ro, Dongan-gu, Anyang-si, Gyeonggi
Hộ chiếu số: N2311967 cấp ngày 15/3/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

15. **Nguyễn Hoàng Bảo Thi**, sinh ngày 26/01/2008 tại Quảng Nam — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, GKS số 125 ngày 09/4/2008
Hiện trú tại: 39 Yedeok-ri, Worya-myeon, Hampyeong-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C7327949 cấp ngày 20/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KP3, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

16. **Hồ Ngọc Trường An**, sinh ngày 13/02/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1373 ngày 24/4/2020
Hiện trú tại: 1508ho, 303dong, 72, Sangeum1-gil, Gongju-si, Chungchoengnam-do
Hộ chiếu số: N2216325 cấp ngày 04/5/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

17. **Bùi Thị Hiền**, sinh ngày 13/8/1989 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 13 ngày 02/4/1990
Hiện trú tại: 101 ho 7-12, Dosin-ro 29ga-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul
Hộ chiếu số: N2055782 cấp ngày 17/02/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

18. **Hồ Chấn Phong**, sinh ngày 31/01/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1657 ngày 06/7/2021
Hiện trú tại: 102-403ho Kachi apt, 254Changwoncheon-ro, Seongsan-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2428006 cấp ngày 07/7/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

19. **Vũ Hoàng Nghĩa**, sinh ngày 10/11/2013 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã An Thắng, huyện An Lão, TP. Hải Phòng, GKS số 15 ngày 22/01/2013
Hiện trú tại: 7, Osan-gil, Yongseong-myeon, Gyeongsan-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: C2853266 cấp ngày 16/02/2017 tại Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Xuân Sơn 1, xã An Thắng, huyện An Lão, TP. Hải Phòng

20. **Nguyễn Khánh An**, sinh ngày 20/5/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 117 ngày 15/01/2021
Hiện trú tại: 9-3 Seongsang ro 11beongil, Uichang gu, Changwon si, Gyeongsangnam do
Hộ chiếu số: N2299951 cấp ngày 15/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

21. **Nguyễn Hoàng Gia Vĩ**, sinh ngày 12/5/2008 tại Hậu Giang — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, GKS số 166 ngày 29/6/2009
Hiện trú tại: 905 ho 504 dong 60, Sangsinhagil-ro, 273beon-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C6614369 cấp ngày 14/02/2019 tại Cục quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

22. **Hoàng Ly Mai Anh**, sinh ngày 05/8/2007 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường 09, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 40 ngày 14/02/2009
Hiện trú tại: 15-15, Wolpyeong 2-gil, Jangheung-eup, Jangheung-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C7926150 cấp ngày 05/8/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 537/45 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

23. **Hoàng Ly Phương Anh**, sinh ngày 27/3/2006 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường 09, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 39 ngày 14/02/2009

Hiện trú tại: 15-15, Wolpyeong 2-gil, Jangheung-eup, Jangheung-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C7926149 cấp ngày 05/8/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 537/45 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

24. **Phạm Lưu Trúc Quỳnh**, sinh ngày 12/5/2004 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng, GKS số 25 ngày 16/6/2004
Hiện trú tại: 49-10 Gajaemi-gil, Seongyeon-myeon, Seosan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2223652 cấp ngày 28/5/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng

25. **Từ Thị Kim Yến**, sinh ngày 19/01/1994 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 27 ngày 10/3/2015
Hiện trú tại: 32-20 Sungin-dong, Jongno-gu, Seoul
Hộ chiếu số: B8731958 cấp ngày 23/01/2014 Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Tràng Hương, xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

26. **Hoàng Minh Thái**, sinh ngày 24/6/2004 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đồng Thái, huyện An Dương, TP. Hải Phòng, GKS số 98 ngày 19/8/2004
Hiện trú tại: 14, Hujuk5-gil, Uiseong-eup, Uiseong-gun, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: C3271991 cấp ngày 17/5/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đồng Thái, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

27. **Khổng Minh Tuệ Nghi**, sinh ngày 14/3/2017 tại TP. Hồ Chí Minh
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 141 ngày 16/5/2017
Hiện trú tại: 76/18, Gwangmyeong-ro 848beon-gil, Gwangmyeong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C3487880 cấp ngày 13/6/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Giới tính: Nữ

28. **Đặng Minh Đăng Khoa**, sinh ngày 25/3/2019 tại Hàn Quốc
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 625 ngày 05/4/2019
Hiện trú tại: 101Room 485-17, Seobong-ro, Hyangnam-eup, Hwangseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2086480 cấp ngày 05/4/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Giới tính: Nam

29. **Trần Thị Thu**, sinh ngày 25/9/1974 tại Quảng Ninh
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Nam Khê, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 129 ngày 30/9/1974
Hiện trú tại: 1503ho, 102dong, Exodium-apt, Kangbuk-ro, 123, Ulsan
Hộ chiếu số: N2281481 cấp ngày 10/11/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ 6, Nam Sơn, phường Nam Khê, TP, Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
Giới tính: Nữ

30. **Nguyễn Đăng Trung Hiếu**, sinh ngày 07/12/2007 tại Hà Nội
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, GKS số 06 ngày 03/3/2008
Hiện trú tại: 104 B dong 201 ho, 91 - 2, Anaji-ro, Gyeyang-gu, Incheon
Hộ chiếu số: C5113308 cấp ngày 15/5/2018 Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Giới tính: Nam

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

31. **Đặng Gia Lạc**, sinh ngày 25/5/2006 tại Cần Thơ Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ, GKS số 282 ngày 28/6/2012
Hiện trú tại: 59, Dasong-ro, Saha-gu, Busan
Hộ chiếu số: C5461149 cấp ngày 19/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số nhà 60 khu vực Long Thành, phường Long Hưng, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

32. **Hà Thị Kiều Trang**, sinh ngày 02/9/2008 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Trung Kiên, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ, GKS số 127 ngày 26/02/2009
Hiện trú tại: 105-1302 Yanggang ro 104, Dongmyeon so, Chuncheon si, Gangwon do
Hộ chiếu số: N2179822 cấp ngày 19/12/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: khu vực Qui Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

33. **Kim Min Su**, sinh ngày 26/12/2018 tại Bắc Ninh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, GKS số 02 ngày 17/4/2019
Hiện trú tại: 348, Goepyeong-ri, Goa-eup, Gumi-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: C7268402 cấp ngày 09/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Tỉnh Ngô, xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

34. **Trần Thu Thủy**, sinh ngày 20/7/2002 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, GKS số 81 ngày 25/7/2002

Hiện trú tại: # (Chusan-dong) 1, Seonghonam 2-gil, Masanhappo-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C6270417 cấp ngày 08/11/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số nhà 7, khu 1, phố Cô Đoài, phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

35. **Nguyễn Thùy Linh**, sinh ngày 11/10/2005 tại Ninh Bình — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, GKS số 52 ngày 21/10/2005
Hiện trú tại: 49, Doi 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5289032 cấp ngày 29/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

36. **Trần Nguyễn Hải Anh**, sinh ngày 25/5/2007 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Phả Lại, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, GKS số 154 ngày 04/6/2007
Hiện trú tại: 439, Hambangmoe-ro, Namdong-gu, Incheon
Hộ chiếu số: N2251644 cấp ngày 21/9/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Phả Lại, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương

37. **Nguyễn Quang Hải**, sinh ngày 03/3/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1618 ngày 01/7/2021
Hiện trú tại: 30 Ildong-ro, 126beongil, Dongan-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2390976 cấp ngày 06/7/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

38. **Nguyễn Ngọc Tuệ Anh**, sinh ngày 20/9/2017 tại Nghệ An Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, GKS số 690 ngày 13/10/2017
Hiện trú tại: Seoul, Dongdaemun-gu, Kyunghee daero, Inagil 32-2 201
Hộ chiếu số: C4032969 cấp ngày 30/10/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

39. **Nguyễn Minh Anh**, sinh ngày 30/5/2001 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, GKS số 72 ngày 20/6/2001
Hiện trú tại: 1160 Sanwoe-ro, Gui-myeon, Wanju-gun, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: C3185973 cấp ngày 17/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

40. **Lee Phạm Ngọc Trân**, sinh ngày 04/7/2015 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, GKS số 96 ngày 09/9/2015
Hiện trú tại: 183 Songyongri, Dunpo-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C8501948 cấp ngày 26/11/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 720A Điện Biên Phủ, phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

41. **Bùi Ngọc Thuần**, sinh ngày 07/7/2006 tại Hải Dương Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, GKS số 66 ngày 07/5/2015
Hiện trú tại: Samgyeok-dong, Yeonam-ro 54, Buk-gu, Daegu-si

Hộ chiếu số: C7291816 cấp ngày 06/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

42. **Nguyễn Thu Hằng**, sinh ngày 11/9/2012 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, GKS số 19 ngày 18/01/2013
Hiện trú tại: 104dong 222ho, 49, Sanggok-ro, Naeseo-eup, Masanhoewon-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C8378024 cấp ngày 21/10/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 8 B144 Thành Tô, quận Hải An, TP. Hải Phòng

43. **Huỳnh Trâm Anh**, sinh ngày 01/12/2015 tại Đà Nẵng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vinh Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, GKS số 68 ngày 31/12/2015
Hiện trú tại: 11 Janggwan-dong, Jung-gu, Daegu
Hộ chiếu số: C8059007 cấp ngày 16/8/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Giang Hải, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

44. **Phạm Thị Bích Thơm**, sinh ngày 12/02/1996 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 14 ngày 20/3/1996
Hiện trú tại: 2Cheung, 275-5 Dodang-dong, Bucheon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: B9553038 cấp ngày 04/9/2014 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

45. **Kim Tuyền**, sinh ngày 13/4/2021 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1670 ngày 07/7/2021
Hiện trú tại: 22-8, Gamasan-ro 20 dagil, Guro-gu, Seoul
Hộ chiếu số: N2428854 cấp ngày 20/7/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

46. **Nguyễn Thị Lộc**, sinh ngày 03/3/1983 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, TP. Hải Phòng, GKS số 34 ngày 31/5/1990
Hiện trú tại: 232, Naeje-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: B8355277 cấp ngày 07/10/2013 Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 76 phố Hoàng Thiết Tâm, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, TP. Hải Phòng

47. **Đinh Thị Bé**, sinh ngày 04/8/1990 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 35 ngày 19/12/1990
Hiện trú tại: 601-14, Wonseong-dong, Dongnam-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C5877981 cấp ngày 06/08/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

48. **Trần Thị Ngọc Nhung**, sinh ngày 09/8/1991 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, GKS số 118 ngày 24/7/2013
Hiện trú tại: # 302 ho, 36, Daejeong-ro 587beon-gil, Jung-gu, Daejeon
Hộ chiếu số: B9971283 cấp ngày 27/12/2014 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

49. **Nguyễn Thị Thùy Linh**, sinh ngày 26/12/1996 tại Hà Tĩnh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, GKS số 325 ngày 26/5/2014
Hiện trú tại: # 94 beonji, Sutae-ri, Daeso-myeon, Eumseong-gun, Chungchoengbuk-do
Hộ chiếu số: B9695822 cấp ngày 03/10/2014 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

50. **Nguyễn Lê Bảo Vy**, sinh ngày 05/8/2019 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1462 ngày 18/5/2020
Hiện trú tại: 17 Hambakmoero 26beon-gil, Yeonsu-gu, Incheon
Hộ chiếu số: N2223320 cấp ngày 21/5/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

51. **Liêu Thế Bảo**, sinh ngày 03/3/2006 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 66 ngày 10/5/2006
Hiện trú tại: 261, Songdongukje-daero, Yeonsu-gu, Incheon-si
Hộ chiếu số: C7616052 cấp ngày 19/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

52. **Diệp Minh Xuân**, sinh ngày 28/11/1979 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND quận 1, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 126 ngày 04/12/1979
Hiện trú tại: 108-902ho, Yangji maeul APT, Yanggok 1ro, 77beonji, Yangchon-eup, Kimpo si, Gyeonggi do
Hộ chiếu số: B8404293 cấp ngày 12/9/2013 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ 4, Tam Hạp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

53. **Lê Khánh Hoài Nam**, sinh ngày 07/9/1990 tại Quảng Trị Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Trường An, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, GKS số 128 ngày 21/01/1991
Hiện trú tại: Technobook ro 165, Yuga-eup, Dalseong-gun, Daegu-si, Hwaseong Apt 10dong1101ho
Hộ chiếu số: N2029088 cấp ngày 10/9/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

54. **Vũ Bình Nguyên**, sinh ngày 25/5/2012 tại Cần Thơ Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ, GKS số 183 ngày 01/6/2012
Hiện trú tại: # 1896-8, Donghae-daero, Heunghae-eup, Buk-gu, Pohang-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: C4017924 cấp ngày 17/10/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp Tân Long, xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ

55. **Đỗ Đức Hiếu**, sinh ngày 28/6/2011 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng, GKS số 113 ngày 04/8/2011
Hiện trú tại: 2 jung, 485-26, Daeya-dong, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C6683960 cấp ngày 30/01/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Đâu Kiên, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng

56. **Thị Nhiều**, sinh ngày 15/7/1980 tại Hậu Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hỏa Lựu, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, GKS số 24 ngày 08/3/2005
Hiện trú tại: Gongdan 2-ro 3gil 58, Jinryang-eup, Gyeongsan-si, Gyeongsangbuk-do

Hộ chiếu số: N2475000 cấp ngày 07/11/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

57. **Bùi Tô Hải Thương**, sinh ngày 05/6/2011 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 253 ngày 30/12/2014
Hiện trú tại: Ra-dong 209-ho, 450, Sangho-ro, Buk-gu, Pohang-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: N2087824 cấp ngày 18/6/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn 1, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

58. **Vũ Phương Nam**, sinh ngày 19/4/2003 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, GKS số 47 ngày 03/6/2003
Hiện trú tại: 305ho 103-dong 973 Seobubuk-ro, Asan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C5510333 cấp ngày 26/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

59. **Nguyễn Ngọc Sáng**, sinh ngày 06/5/2021 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1728 ngày 14/7/2021
Hiện trú tại: 14-2, Geumchon-gil, Bukcheon-myeon, Hadong-gun,Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2453278 cấp ngày 30/8/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

60. **Khúc Minh Phong**, sinh ngày 13/12/2009 tại Hà Nam Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, GKS số 27 ngày 20/4/2010

Hiện trú tại: 75-20, Geumpo-ro, Nongong-eup, Dalseong-gun, Daegu
Hộ chiếu số: C5248009 cấp ngày 23/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 38/89 Tôn Đức Thắng, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

61. **Nguyễn Đình Phương Uyên**, sinh ngày 18/4/2000 tại Bình Thuận — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, GKS số 304 ngày 08/11/2001
Hiện trú tại: 49/12 Obong-ro Jochiwon-eup, Sejong-si
Hộ chiếu số: C2701307 cấp ngày 11/01/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

62. **Nguyễn Thị Thương**, sinh ngày 28/10/1984 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng, GKS số 157 ngày 23/12/2014
Hiện trú tại: # 5 dong 302ho, 159, Daehak-ro, Chubu-myeon, Geumsan-gun, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C0318059 cấp ngày 24/4/2015 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 15B khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

63. **Đinh Công Đức Anh**, sinh ngày 25/02/2014 tại Hà Nội — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, GKS số 90 ngày 11/3/2014
Hiện trú tại: 392beonji Munji-dong, Yuseong-gu, Daejeon-si
Hộ chiếu số: C7269407 cấp ngày 08/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

64. **Nguyễn Dương Phú Quý**, sinh ngày 02/3/2009 tại Bạc Liêu Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, GKS số 113 ngày 04/4/2011
Hiện trú tại: B02ho, Myeongseungbillji, Geomodong 1713-1, Siheung- si, Gyeonggi do
Hộ chiếu số: C6652025 cấp ngày 24/02/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp Xéo Chích, TT Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

65. **Lương Phương Thảo**, sinh ngày 25/01/2003 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Ka Long, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 32 ngày 23/6/2006
Hiện trú tại: 22/6 Dunpojungang-ro 161beon-gil Dupo-myeon, Ansan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2475626 cấp ngày 16/11/2011 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Ka Long, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

66. **Ngô Thị Hải Yến**, sinh ngày 06/10/2001 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng, GKS số 350 ngày 08/10/2001
Hiện trú tại: 24, Jeungsin-ro 156beon-gil, Incheon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C1895277 cấp ngày 17/6/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng

67. **Nguyễn Minh Anh**, sinh ngày 17/02/2008 tại Thái Bình Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, GKS số 77 ngày 09/6/2008
Hiện trú tại: 102-dong 204-ho, 23, Munhwa-ro, Jangseong-eup, Jangseong-gun, Jeollanam-do

Hộ chiếu số: C5921350 cấp ngày 06/9/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

68. **Phạm Nhật Minh**, sinh ngày 13/3/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1272 ngày 09/4/2020
Hiện trú tại: 101dong 202ho, 11 Baranseo-ro, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2215442 cấp ngày 14/4/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

69. **Hồ Văn Hoàng Dũng**, sinh ngày 19/02/2013 tại Nghệ An — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, GKS số 58 ngày 29/3/2013
Hiện trú tại: 4 Dogokri 1142-5, Poseung-eup, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C3881537 cấp ngày 20/9/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

70. **Lưu Trọng Quý**, sinh ngày 28/8/2012 tại Tây Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, GKS số 375 ngày 04/9/2013
Hiện trú tại: 5-3 Namyang 1-gil, Namsan-myeon, Gyeongsan-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: N2210748 cấp ngày 27/02/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

71. **Nguyễn Thị Mỹ**, sinh ngày 16/7/1987 tại Cần Thơ — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ, GKS số 57 ngày 22/02/2005

Hiện trú tại: 305 ho, Jeongwang-dong, 1436-1, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2428780 cấp ngày 18/7/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ

72. **Nguyễn Hoàng Thảo Phương**, sinh ngày 05/5/2011 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 92 ngày 13/5/2011
Hiện trú tại: 23, Jegi-ro31-gil, Dongdaemun-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: N2234512 cấp ngày 19/8/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 241/41 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

73. **Nguyễn Hoàng Thảo Vi**, sinh ngày 21/10/2008 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 325 ngày 27/10/2008
Hiện trú tại: 23, Jegi-ro31-gil, Dongdaemun-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: N2234513 cấp ngày 19/8/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 241/41 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1. TP. Hồ Chí Minh

74. **Phan Thị Minh Thư**, sinh ngày 26/5/2010 tại Quảng Trị — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, GKS số 50 ngày 31/5/2010
Hiện trú tại: 101 ho Jeongwang-dong 1206-5, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C7585558 cấp ngày 17/6/2019 tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

75. **Nguyễn Minh Vũ Huy**, sinh ngày 12/9/2012 tại Thái Bình Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vũ Lạc, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình, GKS số 272 ngày 17/10/2012
Hiện trú tại: 10, Samseonghyeon-ro 91-gil, Gyeongsan-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: C2924150 cấp ngày 06/3/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vũ Lạc, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình

76. **Nguyễn Minh Chí Hoàn**, sinh ngày 08/9/2019 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1889 ngày 25/9/2019
Hiện trú tại: 10, Samseonghyeon-ro 91-gil, Gyeongsan-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: N2139976 cấp ngày 30/9/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

77. **Phạm Khánh Vy**, sinh ngày 30/9/2015 tại Yên Bái Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Nam Cường, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái, GKS số 121 ngày 26/10/2015
Hiện trú tại: 5 Indeokwonro12beon-gil, Dongan-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5237779 cấp ngày 17/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố Nam Thọ, phường Nam Cường, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái

78. **Nguyễn Min Gyu**, sinh ngày 10/6/2009 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 403 ngày 18/6/2015
Hiện trú tại: 205ho Hogangbil (jinpyeong dong) Indong 28gil 38, Gumi si, Gyeongsangbuk do
Hộ chiếu số: N2224562 cấp ngày 18/6/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

79. **Lê Hoàng Việt**, sinh ngày 27/3/2003 tại Bắc Giang Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, GKS số 114 ngày 23/6/2003
Hiện trú tại: 1 San, Bugahyeon-dong, Seodaemun-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C3585466 cấp ngày 06/7/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Cà Ngo, Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

80. **Trần Anh Huy**, sinh ngày 03/01/2017 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 143 ngày 08/01/2020
Hiện trú tại: 305-15, Samjeong-dong, Bucheon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2183602 cấp ngày 10/01/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

81. **Trần Anh Hiếu**, sinh ngày 16/6/2015 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 144 ngày 18/01/2020
Hiện trú tại: 305-15, Samjeong-dong, Bucheon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2183601 cấp ngày 10/01/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

82. **Tạ Khánh Ngọc An**, sinh ngày 05/02/2015 tại Thái Nguyên Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, GKS số 78 ngày 14/8/2015
Hiện trú tại: 305-15, Samjeong-dong, Bucheon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C6862975 cấp ngày 08/3/2019 tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

83. **Bùi Khánh Ly**, sinh ngày 09/4/1999 tại Hưng Yên Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, GKS số 26 ngày 12/12/2001
Hiện trú tại: 102 ho, Wolgok-dong51-6, Gwangsan-gu, Gwangju
Hộ chiếu số: C3550686 cấp ngày 22/6/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

84. **Nguyễn Duy Khánh**, sinh ngày 20/3/2008 tại Quảng Ninh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 56 ngày 02/4/2008
Hiện trú tại: Cheogun-ro 96beon-gil 22, Asan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2391083 cấp ngày 17/5/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

85. **Đoàn Diệu Anh**, sinh ngày 05/10/2019 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2325 ngày 06/11/2019
Hiện trú tại: 4-7, Nongok-ro 78beon-gil, Namdong-gu, Incheon
Hộ chiếu số: N2171629 cấp ngày 17/11/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

86. **Lê Ngọc Lan Chi**, sinh ngày 06/11/2018 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2250 ngày 28/12/2018
Hiện trú tại: N.202, 469-13, Munjin-ro, Munbaek-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: N2058332 cấp ngày 10/01/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

87. **Bùi Phạm Thanh Hoa**, sinh ngày 20/9/2014 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 199 ngày 09/10/2014
Hiện trú tại: 105dong 512ho, 41 Gubong-gil, Yeosu-si, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C5980546 cấp ngày 28/8/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xóm 11 xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

88. **Nguyễn Thị Linh Chi**, sinh ngày 04/01/2002 tại Hà Nam Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, GKS số 05 ngày 01/02/2002
Hiện trú tại: Sangmunje 2, Dobong, Seoul
Hộ chiếu số: C2188465 cấp ngày 15/8/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

89. **Nguyễn Minh Khang**, sinh ngày 11/5/2008 tại Cần Thơ Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ, GKS số 117 ngày 04/7/2008
Hiện trú tại: 130, Hansupul-ro, Hanlim-eup, Jeju-si, Jeju-do
Hộ chiếu số: N2477638 cấp ngày 16/12/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ

90. **Lê Thị Hạ Vy**, sinh ngày 09/7/2007 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 181 ngày 11/7/2007
Hiện trú tại: 63, Pungyeong-ro, Gwangsan-gu, Gwangju-si
Hộ chiếu số: C7846671 cấp ngày 15/7/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

91. **Lê Thị Cẩm Ly**, sinh ngày 13/01/2009 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 18 ngày 02/02/2009
Hiện trú tại: 63, Pungyeong-ro, Gwangsan-gu, Gwangju-si
Hộ chiếu số: C7846672 cấp ngày 15/7/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

92. **Trần Phương Linh**, sinh ngày 06/6/2020 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 142 ngày 28/7/2020
Hiện trú tại: #234 Hwaam-ri, Dongyang-myeon, Chungju-si, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: C9456487 cấp ngày 07/7/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: C12.08, Chung cư Tecco, khu phố 4, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

93. **Nguyễn Châu Khang Hy**, sinh ngày 19/3/2021 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2791 ngày 23/11/2021
Hiện trú tại: 277Yongseong-ro, Namwon-si, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: N2476378 cấp ngày 27/11/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

94. **Đỗ Thành Đạt**, sinh ngày 01/12/2007 tại Quảng Ninh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Tuần Châu, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 09 ngày 20/02/2008
Hiện trú tại: Namsan 5-gil 20, Jeongeup-si, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: C3988288 cấp ngày 09/10/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Tuần Châu, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

95. **Trần Thiên Trang**, sinh ngày 20/4/1995 tại Vĩnh Long — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, GKS số 18 ngày 26/5/2005
Hiện trú tại: 5 Yangnyeongjungang-ro 8-gil, Dongdaemun-gu, Seoul
Hộ chiếu số: B8132198 cấp ngày 19/6/2013 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 203 khóm 1, thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

96. **Nguyễn Thị Phương Lan**, sinh ngày 27/8/2000 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng, GKS số 61 ngày 29/9/2000
Hiện trú tại: 1204 Ho 204dong, 3 Jingun 1-gil, Jeju-si
Hộ chiếu số: C4349787 cấp ngày 03/01/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng

97. **Phạm Đức Thịnh**, sinh ngày 03/10/2003 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng, GKS số 89 ngày 07/10/2003
Hiện trú tại: 312/5 Osin-ro, Saenggeuk-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: C4589395 cấp ngày 29/01/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng

98. **Phạm Tuấn Khang**, sinh ngày 24/8/2007 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng, GKS số 175 ngày 31/8/2007
Hiện trú tại: 312/5 Osin-ro, Saenggeuk-myeon, Eumseong-gun, Chungcheongbuk-do

Hộ chiếu số: C5071380 cấp ngày 27/4/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: UBND phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng

99. **Lê Hải Anh**, sinh ngày 26/7/2006 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Văn Đẩu, quận Kiến An, TP. Hải Phòng, GKS số 123 ngày 18/6/2007
Hiện trú tại: Jugong 2, 505, 204beongil, 72-72 Munhwa-ro, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C5430035 cấp ngày 19/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Văn Đẩu, quận Kiến An, TP. Hải Phòng

100. **Hồ Nguyễn Quốc Hội**, sinh ngày 02/10/1992 tại An Giang — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, GKS số 435 ngày 08/9/1995
Hiện trú tại: 6 Jodong-ri, Sindong-eup, Jeongseon-gun, Gangwon-do
Hộ chiếu số: C2539633 cấp ngày 29/11/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp Tây Sơn, TT Núi Sập, Thoại Sơn, An Giang

101. **Vũ Thị Hồng**, sinh ngày 08/4/1986 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cẩm La, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 28 ngày 19/4/2008
Hiện trú tại: 15 Songwol-dong 3 (sam)-ga, Jung-gu, Incheon
Hộ chiếu số: N1916389 cấp ngày 26/01/2018 tại Đại Sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ 45B, khu 12, phường Quang Trung, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

102. **Nguyễn Minh Tâm**, sinh ngày 21/9/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2694 ngày 27/10/2020
Hiện trú tại: 363-13 Gwanggi2gil Gamcheon-myeon, Gimcheon-si, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: N2280934 cấp ngày 30/10/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

103. **Đồng Thị Vân Nhi**, sinh ngày 25/01/2003 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng, GKS số 45 ngày 28/3/2003
Hiện trú tại: 40, Bogok-ro3gil, Onyang-eup, Ulju-gun, Ulsan-si
Hộ chiếu số: C5236458 cấp ngày 16/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Việt Tiến 2, Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng

104. **Đồng Đức Huy**, sinh ngày 24/12/2007 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng, GKS số 32 ngày 19/02/2008
Hiện trú tại: 40, Bogok-ro3gil, Onyang-eup, Ulju-gun, Ulsan-si
Hộ chiếu số: C2680385 cấp ngày 12/01/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

105. **Đoàn Nhã Linh**, sinh ngày 21/8/2002 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Ngọc Châu, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, GKS số 155 ngày 12/9/2002
Hiện trú tại: 100 beonji Jajak-dong, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do

Hộ chiếu số: C6197081 cấp ngày 15/10/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu 2, phường Ngọc Châu, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

106. **Nguyễn Vũ Đồng**, sinh ngày 20/02/2011 tại Thanh Hóa — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, GKS số 84 ngày 09/3/2012
Hiện trú tại: 1402ho, 103dong, 112, Sopyeong-ro, Sokcho-si, Gangwon-do
Hộ chiếu số: C3552865 cấp ngày 23/6/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Ngọc Trà II, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

107. **Phạm Diệu Chinh**, sinh ngày 15/6/2002 tại Bắc Giang — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, GKS số 663 ngày 20/5/2008
Hiện trú tại: 31-7, Gosi-gil, Bongdam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C2973082 cấp ngày 10/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

108. **Kim Ha Chun**, sinh ngày 05/10/2018 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2063 ngày 30/11/2018
Hiện trú tại: 302-18, Seongsu-dong2ga3dong, Seongdong-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: N2003603 cấp ngày 06/12/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

109. **Võ Hoàng Ngọc My**, sinh ngày 21/7/2011 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, GKS số 207 ngày 16/9/2011

Hiện trú tại: 839 beonji Geumeum-ri, Hupo-myeon, Uljin-gu, Gyeongsangbuk-do
Hộ chiếu số: C5647123 cấp ngày 25/7/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp khu phố Cầu Xéo, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

110. **Nguyễn Trường Sơn**, sinh ngày 17/7/2008 tại Thái Nguyên — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, GKS số 78 ngày 24/9/2008
Hiện trú tại: B01ho, 17, Galhyeon-ro 2-gil, Eunpyeong-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C5368717 cấp ngày 05/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vũ Hòa, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

111. **Lê Thị Tố Uyên**, sinh ngày 01/9/2000 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 319 ngày 13/9/2000
Hiện trú tại: 21, Jukgok-gil, Gwansan-eup, Jangheung-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C5774284 cấp ngày 13/8/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

112. **Trần Ngọc Bảo Trân**, sinh ngày 30/7/2011 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Long Bình, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 239 ngày 29/8/2011
Hiện trú tại: 125beonji Cheonghak-dong, Yongdo-gu, Busan-si
Hộ chiếu số: C3166542 cấp ngày 11/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 1137/41/80 khu phố Bến Đò, phường Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

113. **Vũ Thị Tú Uyên**, sinh ngày 27/7/2004 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 111 ngày 10/9/2004
Hiện trú tại: 404ho, Daeyang (A), Gilgok-dong, Osan-si
Hộ chiếu số: C7338060 cấp ngày 13/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: khu 2, phường Hà An, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

114. **Phạm Thị Thoa**, sinh ngày 02/8/1986 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, GKS số 72 ngày 05/8/1986
Hiện trú tại: 6-7 Pyeondong-gil, Daegang-myeon, Namwon-si, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: N2056066 cấp ngày 09/8/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

115. **Phan Thị Tuyết**, sinh ngày 17/11/1986 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Thái Thịnh, TX. Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, GKS số 93 ngày 29/8/2011
Hiện trú tại: 338, Bidan-ro, Geumsan-eup, Geumsan-gun, Chungcheongnam-do, Building 201, Room 106 (Geumsan Sangri Jugong Complex 2 Aparment)
Hộ chiếu số: N2171704 cấp ngày 19/11/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: khu Nhất Sơn, phường Thái Thịnh, TX. Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

116. **Đặng Khánh Tâm**, sinh ngày 30/01/2016 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT An Dương, huyện An Dương, TP. Hải Phòng, GKS số 30 ngày 18/02/2016
Hiện trú tại: 403ho, 2dong, Dangmi 3-gil 14, Gyeyang-gu, Incheon-si

Hộ chiếu số: C7328533 cấp ngày 10/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT An Dương, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

117. **Nguyễn Hà My**, sinh ngày 26/5/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1818 ngày 08/7/2020
Hiện trú tại: 913 Dong 502 ho, 27 Bongyeong-ro, 1517beon-gil, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2225721 cấp ngày 14/7/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

118. **Vũ Hà Vy**, sinh ngày 25/8/2015 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Phương Nam, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 388 ngày 14/9/2015
Hiện trú tại: 3dong 515ho, 42, Jubuto-ro, 532beon-gil, Gyeyang-gu, Incheon
Hộ chiếu số: C5985687 cấp ngày 05/9/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Phương Nam, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

119. **Trần Mạnh Hùng**, sinh ngày 09/02/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1243 ngày 07/4/2020
Hiện trú tại: 102Ho, 101dong, 159-57 Seojeong-dong, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2307666 cấp ngày 12/4/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

120. **Nguyễn Thiên Ân**, sinh ngày 12/3/2021 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2127 ngày 09/9/2021
Hiện trú tại: B01ho, Hanyangbilla, Ganseok-ro 77, Ganseok 3-dong, Namdong-gu, Incheon-si.

Hộ chiếu số: N2455619 cấp ngày 14/9/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

121. **Hoàng Ngọc Phương Anh**, sinh ngày 20/5/2001 tại Hải Dương — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, GKS số 80 ngày 28/5/2001
Hiện trú tại: 275, Aegibong-ro 409beon-gil, Wolgot-myeon, Gimpo-si, Gyeonggi-do.
Hộ chiếu số: C5061697 cấp ngày 26/4/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương

122. **Trần Minh Duy**, sinh ngày 14/3/2005 tại Bến Tre — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, GKS số 39 ngày 07/4/2005
Hiện trú tại: 235-1, Ganseok 4-dong, Namdong-gu, Incheon
Hộ chiếu số: C2582956 cấp ngày 03/3/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

123. **Nguyễn Ngọc Minh Khang**, sinh ngày 02/4/2009 tại Cần Thơ — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ, GKS số 190 ngày 29/4/2009
Hiện trú tại: Dangjinro14beongil 46, Kwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Samjeong Apt 207dong 1102 ho
Hộ chiếu số: C8250810 cấp ngày 26/9/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ

124. **Lê Hải Minh Anh**, sinh ngày 21/5/2021 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1955 ngày 12/8/2021

Hiện trú tại: 588beonji/9, Samgok-ri, Munsan-eup, Jinju-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2430455 cấp ngày 17/8/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

125. **Phạm Hoàng Bách**, sinh ngày 22/01/2007 tại Hà Nội — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Khương Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, GKS số 26 ngày 08/02/2007
Hiện trú tại: 201ho, 24-6 Achasanro27gil, Gwangjin-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: N1915366 cấp ngày 12/02/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

126. **Đào Thị Quỳnh Anh**, sinh ngày 08/6/2014 tại Bắc Giang — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, GKS số 129 ngày 17/6/2014
Hiện trú tại: 100 Dalcheon-ro Buk-gu Ulsan-si
Hộ chiếu số: C8190740 cấp ngày 12/9/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

127. **Trần Thị Tường Vy**, sinh ngày 13/8/2017 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2496 ngày 25/10/2021
Hiện trú tại: 674beonji, Yongpo-ri, Muju-eup, Muju-gun, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: N2474413 ngày 29/10/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

128. **Lê Gia Thịnh**, sinh ngày 26/9/2002 tại Tây Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, GKS số 120 ngày 28/11/2002

Hiện trú tại: 301ho B dong, 25-14, Chiljung 7-gil, Jeokseong-myeon, Paju-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C2931230 cấp ngày 06/3/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh

129. **Nguyễn Phương Uyên**, sinh ngày 13/6/2006 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 80 ngày 12/7/2006
Hiện trú tại: 13/11, Yunsan-gil, bonsan-myeon, Damyang-gun, Jeonnam
Hộ chiếu số: C7539421 cấp ngày 07/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

130. **Vũ Tiến Đạt**, sinh ngày 05/9/2008 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, GKS số 197 ngày 15/10/2008
Hiện trú tại: 103-260, Sillim-dong, Gwanak-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C4482086 cấp ngày 15/01/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

131. **Vũ Gia Huy**, sinh ngày 14/5/2007 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng, GKS số 93 ngày 18/02/2008
Hiện trú tại: 103-260, Sillim-dong, Gwanak-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C4482087 cấp ngày 15/01/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Phường Kênh Dương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

132. **Hoàng Anh Khôi**, sinh ngày 03/02/2020 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 569 ngày 28/02/2020
Hiện trú tại: 65, Samdongro128beo-gil, Seongsan-gu, Changwon-si
Hộ chiếu số: N2209826 cấp ngày 02/3/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

133. **Nguyễn Thiên Ân**, sinh ngày 23/4/2020 tại Hà Nam Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, GKS số 196 ngày 31/8/2020
Hiện trú tại: 55/2, Neolbangjae-gil, Micheon-myeon, Jinju-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C9277666 cấp ngày 06/10/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn 2, xã Đồng Thủy, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

134. **Nguyễn Thị Hải Linh**, sinh ngày 14/4/2006 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, GKS số 18 ngày 09/5/2006
Hiện trú tại: 17, Biryong-gil, 56 beongil, Michuhol-gu, Incheon
Hộ chiếu số: C7387133 cấp ngày 24/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

135. **Cái Bình An**, sinh ngày 10/10/2015 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Hiện trú tại: 1, Ssanggyod-ong, Namwon-si, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: N2476374 cấp ngày 27/11/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

136. **Nguyễn Hồng Thái**, sinh ngày 27/7/2002 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Bãi Cháy,

TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 125 ngày 31/7/2002
Hiện trú tại: 12, Jongdaero 31-gil, Songpa-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C2875472 cấp ngày 21/02/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ 1, Khu 6, phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

137. **Nguyễn Thị Bảo Anh**, sinh ngày 20/10/2017 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2688 ngày 19/12/2019
Hiện trú tại: #8, Saam-ro 339beon-gil, Gwangsan-gu, Gwangju-si,
Hộ chiếu số: N2179829 cấp ngày 19/12/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

138. **Lê Nguyễn Quỳnh Anh**, sinh ngày 24/3/2006 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội, GKS số 105 ngày 21/9/2007
Hiện trú tại: 601ho B Dong 9, Dugokseo-gil 26beon-gil, Mado-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C3585221 cấp ngày 05/7/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

139. **Huỳnh Thị Phúc Lộc**, sinh ngày 02/4/1991 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ, GKS số 89 ngày 09/5/1991
Hiện trú tại: 3-1, Myeonmok-ro 56na-gil, Jungnang-gu, Seoul
Hộ chiếu số: B7261655 cấp ngày 20/11/2012 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

140. **Lê Bảo Vy**, sinh ngày 06/5/2012 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú,

tỉnh Bình Phước, GKS số 93 ngày 18/5/2012
Hiện trú tại: Sangdang-ro, 144beon-gil 32, Sangdang-gu, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: C7316749 cấp ngày 14/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

141. **Lê Thị Huyền Thương**, sinh ngày 05/6/2001 tại Thanh Hóa — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, GKS số 335 ngày 06/12/2001
Hiện trú tại: 110-dong 1404-ho, 15 Bongojae1-ro, Seo-gu, Incheon-si
Hộ chiếu số: C2170493 cấp ngày 12/8/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 6 Lê Ngọc Hân, Ngọc Trạo, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

142. **Đỗ Bích Thảo**, sinh ngày 13/01/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1890 ngày 04/8/2021
Hiện trú tại: 203Buillo, Buchoen si, Gyeonggi
Hộ chiếu số: N2430110 cấp ngày 12/8/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

143. **Đinh Thị Gái**, sinh ngày 03/8/1993 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 147 ngày 28/6/1999
Hiện trú tại: 3-dong 209-ho, 16 Daebul-ro 5-gil, Buk-gu, Daegu-si
Hộ chiếu số: C9480753 cấp ngày 19/01/2022 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Bảo Kiếm, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

144. **Trần Khánh Linh**, sinh ngày 12/4/2005 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: phường Quang Trung, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, GKS số 22 ngày 24/01/2006
Hiện trú tại: 43, Hancheonro76ga-gil, Seongbuk-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C3853740 cấp ngày 29/8/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số 29, Nguyễn Công Hoan, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

145. **Nguyễn Hiếu**, sinh ngày 19/11/2014 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 162 ngày 21/02/2017
Hiện trú tại: 10-39, Songsan 2-gil, Sangdong-eup, Gumi-si, Gyeongsanbuk-do
Hộ chiếu số: N1823726 cấp ngày 23/02/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

146. **Vũ Thị Mẫn Nhi**, sinh ngày 17/12/2003 tại TP. Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Nam Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 135 ngày 18/12/2004
Hiện trú tại: 89 Tonghwasetel-gil Bongdam-eup Hwaseong-si Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5770874 cấp ngày 09/8/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Nam Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh

147. **Đinh Thị Phương**, sinh ngày 05/5/2002 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 64 ngày 05/6/2002
Hiện trú tại: Gyeongilgil 43-1, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, 401ho
Hộ chiếu số: C5079124 cấp ngày 27/4/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

148. **Đỗ Phạm Tuyên**, sinh ngày 01/6/2012 tại Hải Dương Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cổ Bì, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, GKS số 78 ngày 12/6/2012
Hiện trú tại: 201 ho, 20, Seongho-ro 3-gil, Sangnok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5764548 cấp ngày 25/7/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cổ Bì, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

149. **Bùi Hồng Ánh Linh**, sinh ngày 08/5/1985 tại Vĩnh Long Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, GKS số 1174 ngày 07/9/1992
Hiện trú tại: 136 Singhanggong-ro, Jinhae-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N1689666 cấp ngày 03/12/2013 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

150. **Lê Trần Tú**, sinh ngày 31/01/2015 tại Hà Nội Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Sông Khoai, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 298 ngày 17/8/2015
Hiện trú tại: 201 ho 104 Dong 19, Eochon-ro, Dong-gu, Incheon
Hộ chiếu số: C5559768 cấp ngày 05/7/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Sông Khoai, TX. Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

151. **Ngô Minh Thư**, sinh ngày 19/8/2006 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, GKS số 156 ngày 22/9/2006
Hiện trú tại: 8, Sinbogun-ro 3 gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do

Hộ chiếu số: C6353084 cấp ngày 28/11/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 9/39, tổ 2, ấp Tân Trung A, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

152. **Tạ Kim Gyeong Dae**, sinh ngày 21/02/2017 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 919 ngày 21/7/2017
Hiện trú tại: 3 Cheung, 82-28 Eunjeon-ro, Jeongok-eup, Yeoncheon-gun, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1852726 cấp ngày 26/7/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

153. **Bùi Thị Thanh Hương**, sinh ngày 07/6/1984 tại Bình Phước Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Chơn Thành, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước, GKS số 3069 ngày 11/6/1984
Hiện trú tại: 279, Yangeul-ro, Mokpo-si, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: N2300216 cấp ngày 18/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Trung Hoa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

154. **Trương Thị Ngọc Biên**, sinh ngày 15/7/1986 tại Kiên Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, GKS số 157 ngày 22/4/2015
Hiện trú tại: 96-17, ChoJung-ro, Jeungpyeong-up, Jeungpyeong-gun, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: N2279540 cấp ngày 12/10/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

155. **Vũ Anh Tuấn**, sinh ngày 04/9/2004 tại Kiên Giang Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cộng Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 125 ngày 01/10/2004

Hiện trú tại: 1302ho502dong, Cheongdaero204beongil 40, Sokcho-si, Gangwon-do (Joyang-dong, Buyeong Apt)
Hộ chiếu số: N2087968 cấp ngày 22/6/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 329 khu Hưng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

156. **Phạm Thùy Dung**, sinh ngày 12/9/1988 tại Cà Mau — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, GKS số 668 ngày 14/8/2008
Hiện trú tại: 56, Jukcheongang-gil, yonghyeon-myeon, sacheon-si, gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: B7999341 cấp ngày 22/5/1988 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

157. **Nguyễn Trần Nhật Minh**, sinh ngày 21/01/2008 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng, GKS số 33 ngày 10/3/2008
Hiện trú tại: 23-6 Bekhak2gil Moseo-myeon Sangju-si Gyeongsanbuk-do
Hộ chiếu số: C7268502 cấp ngày 09/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng

158. **Trần Bi**, sinh ngày 18/9/2017 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1824 ngày 07/12/2007
Hiện trú tại: 757, Ideok-ro, Deoksan-eup, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: N1889874 cấp ngày 07/12/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

159. **Nguyễn Bảo Nguyên**, sinh ngày 04/11/2017 tại Hồ Chí Minh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, GKS số 56 ngày 05/3/2018
Hiện trú tại: Daegu-si, Dalseo-gu, seonwon-ro, 38-11
Hộ chiếu số: C7316123 cấp ngày 09/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

160. **Đinh Nguyễn Thục Mai**, sinh ngày 26/5/2010 tại Thái Bình Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, GKS số 100 ngày 06/6/2010
Hiện trú tại: 435 beonji Ocheon-dong Suncheon-si Jeonlanam-do
Hộ chiếu số: C7997920 cấp ngày 09/8/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

161. **Nguyễn Thị Nhiều**, sinh ngày 07/02/1988 tại Đồng Tháp Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, GKS số 81 ngày 10/3/2006
Hiện trú tại: 265-16, Singwang-ro, Dasi-myeon, Naju-si, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: N2300769 cấp ngày 29/01/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

162. **Vũ Hoàng Trà My**, sinh ngày 17/01/2018 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 551 ngày 13/4/2018
Hiện trú tại: 3202ho-108dong, Seoksu-ro 138, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1967800 cấp ngày 23/4/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

163. **Trần Thị Uyên**, sinh ngày 16/8/2005 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hoàng Tân, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 15 ngày 31/8/2006
Hiện trú tại: 8, Namgang-ro 10-gil, Uiryeong-eup, Uiryeong-gun, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C6383410 cấp ngày 23/11/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hoàng Tân, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh

164. **Trương Minh Hoàng**, sinh ngày 16/5/2002 tại Cần Thơ Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ, GKS số 464 ngày 26/8/2002
Hiện trú tại: 42-2 Jayusijang-gil Chungju-si Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: C2574182 cấp ngày 23/02/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

165. **Trần Thị Trang My**, sinh ngày 12/7/2014 tại Nam Định Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, GKS số 148 ngày 18/7/2014
Hiện trú tại: 30-2, Munsubuk 7-gil, Yeosu-si, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C5168573 cấp ngày 09/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

166. **Trần Minh Thư**, sinh ngày 29/11/2017 tại Nam Định Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, GKS số 335 ngày 05/12/2017
Hiện trú tại: 30-2, Munsubuk 7-gil, Yeosu-si, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C5168574 cấp ngày 09/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

167. **Lý Hà Chi**, sinh ngày 09/01/2008 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, GKS số 05 ngày 21/01/2008
Hiện trú tại: 13-01 Cheonsu-ro 13gil Jeju-si Jeju-do
Hộ chiếu số: C8874360 cấp ngày 10/02/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương